

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẾ SƠN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DS-ST

Ngày: 31/5/2024

V/v: tranh chấp “nghĩa vụ thanh  
toán trong hợp đồng mua bán  
hàng hóa”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Tài;
2. Bà Nguyễn Thị Tám.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam** tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp “nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1980.

2. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L, do ông Trương Công S, chức vụ: Giám đốc làm đại diện. Có mặt.

Cùng địa chỉ: số H đường P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

3. Bị đơn: Công ty cổ phần T4. Do ông Nguyễn Hữu K, chức danh: Giám đốc là đại diện theo pháp luật. Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc H, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần T4 tại Q. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc T, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần T4 tại Q. Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Phương T1, chức vụ: Kế toán Chi nhánh Công ty cổ phần T4 tại Q. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn N (nay là thôn L), xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Nguyễn Hữu T2. Địa chỉ: Tạp hóa K, số I đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

5. Người làm chứng: anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1993. Địa chỉ: P, thị trấn T, L, Bắc Ninh.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 30/01/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: vào ngày 25/3/2018, thông qua sự giới thiệu của ông T2, ông D có bán 262.920 kg than cám trị giá 381.234.000 đồng cho chi nhánh Công ty cổ phần T4 tại Q (sau đây gọi là chi nhánh công ty T4). Việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập hợp đồng bằng văn bản vì ông D là cá nhân thu gom than cám từ Bắc Ninh vào khu vực Quảng Nam, Đà Nẵng để bán lại. Sau khi nhận đầy đủ hàng hóa, chi nhánh công ty T4 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng đầy đủ như đã thỏa thuận là thanh toán đầy đủ số tiền mua hàng ngay sau khi nhận được hàng hóa, mà chỉ thanh toán 100.000.000 đồng và nợ lại số tiền 281.234.000 đồng. Sau nhiều lần ông D yêu cầu trả nợ thì ngày 24/9/2019, ông T - Phó giám đốc chi nhánh công ty T4 viết giấy hẹn cho ông D có nội dung như sau: ngày 27/9/2019 chuyển khoản 20.000.000 đồng; ngày 25 của các tháng 10, 11, 12 năm 2019 chuyển trả 20.000.000 đồng/tháng; từ tháng 02/2020 thanh toán mỗi tháng 30.000.000 đồng.

Tuy nhiên từ tháng 09/2019 đến nay, chi nhánh công ty T4 chỉ thanh toán cho ông D 20.000.000 đồng, cụ thể: ngày 27/11/2019 thanh toán 10.000.000 đồng; ngày 21/5/2021 thanh toán 10.000.000 đồng. Tính đến ngày 21/5/2021 số tiền mà chi nhánh công ty T4 còn nợ ông D là 261.234.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, yêu cầu Công ty cổ phần T4 (sau đây gọi là công ty T4) thanh toán cho ông D số tiền nợ của chi nhánh công ty T4, cụ thể: nợ gốc là 261.234.000 đồng và tiền lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 27/9/2019 đến 31/5/2024, cụ thể: từ ngày 27/09/2019 đến ngày 27/11/2019: 281.234.000 đồng x (0,17 năm x 10%) = 4.700.075 đồng; từ ngày 28/11/2019 đến ngày 21/05/2021: 271.234.000 đồng x (1,48 năm x 10%) = 40.127.770 đồng; từ ngày 22/5/2021 đến ngày 31/05/2024: 261.234.000 đồng x (3,03 năm x 10 %) = 79.085.910 đồng, (tổng

cộng tiền lãi là 123.913.755 đồng). Tổng cộng số tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu thanh toán là 385.000.000 đồng (làm tròn). Nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 21/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà H trình bày: vào tháng 3/2018, chi nhánh công ty T4 có mua bán than cám - nguyên liệu sản xuất gạch Tuynel với ông D, tổng khối lượng đã mua bán là 262,92 tấn tương ứng số tiền 381.234.000 đồng. Chi nhánh công ty T4 đã thanh toán cho ông D số tiền 120.000.000 đồng, còn nợ lại ông D 261.234.000 đồng. Vào thời điểm mua bán với ông D, anh T là Phó Giám đốc chi nhánh công ty T4, đến tháng 01/2020 anh T thôi giữ chức vụ Phó giám đốc; từ thời điểm mua bán với ông D đến nay, bà H là Giám đốc chi nhánh công ty T4. Nay ông D khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần T4 thanh toán cho số tiền còn nợ là 347.501.000 đồng, trong đó nợ gốc 261.234.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 27/9/2019 đến 22/12/2022 là 86.267.000 đồng thì chi nhánh công ty T4 thống nhất trả tiền gốc, không thống nhất trả lãi do công ty đã ngừng sản xuất kinh doanh, mất khả năng thanh toán.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà T1 trình bày: tại chi nhánh công ty T4, bà giữ chức kế toán nội bộ. Vào tháng 3/2018, chi nhánh công ty T4 có mua bán than cám với ông D, tổng khối lượng đã mua bán là 262,92 tấn tương ứng số tiền 381.234.000 đồng. Chi nhánh công ty T4 đã thanh toán cho ông D 120.000.000 đồng, còn nợ lại ông D 261.234.000 đồng. Nay ông D khởi kiện yêu cầu thanh toán số nợ mua bán than cám là 261.234.000 đồng và lãi thì bà T1 không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T và ông T2 nhưng những người này vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 31/7/2023, người làm chứng - anh H1 trình bày: vào năm 2021, anh đi cùng với ông D, ông T2, ông Á đến chi nhánh công ty T4 tại Q. Khi đến đó làm việc, thì ông D và ông Nguyễn Ngọc T của công ty T4 đã trao đổi với nhau là công ty T4 còn nợ ông D số tiền khoảng hơn 270 triệu đồng và ông T viết giấy hẹn trả nợ cho ông D, anh đã ký tên làm chứng tại giấy hẹn trả nợ đó. Anh là người trực tiếp chứng kiến và làm chứng đối với sự việc trên. Anh cam đoan toàn bộ nội dung nêu trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi

thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: công ty T4 có trụ sở tại thôn C (nay là thôn T), xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công ty T4 thanh toán nợ theo hợp đồng mua bán than cám nên quan hệ pháp luật giải quyết là “tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T và ông Thanh vắng mặt không có lý do, bà H, bà T1 và người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về hiệu lực của hợp đồng mua bán than cám:

Hợp đồng mua bán than cám giữa ông D với chi nhánh công ty T4 được thể hiện bằng lời nói, được ông D với bà H thừa nhận. Bà H đại diện cho chi nhánh công ty T4 mua than cám là nguyên liệu để sản xuất gạch Tuynel. Theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì chi nhánh công ty T4 hoạt động theo sự ủy quyền của công ty T4 và sản xuất gạch T3 là ngành nghề kinh doanh của chi nhánh công ty T4. Như vậy, hợp đồng mua bán than cám giữa ông D và chi nhánh công ty T4 là hoàn toàn tự nguyện; tại thời điểm giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng mua bán đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên hợp đồng mua bán than cám ngày 25/3/2018 có hiệu lực pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là 261.234.000 đồng:

Tại bảng theo dõi công nợ than Bắc Ninh từ ngày 25/3/2018 của chi nhánh công ty T4 thể hiện còn nợ ông D số tiền 281.234.000 đồng (bà T1 là người lập và ông T ký xác nhận ngày 31/3/2018 với tư cách là Phó giám đốc). Theo sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng mà ông D cung cấp thể hiện: ngày 27/11/2019, chi nhánh công ty T4 trả cho ông D 10.000.000 đồng; ngày 21/5/2021, chi nhánh công ty T4 trả cho ông D 10.000.000 đồng. Ông D với bà H, ông T (tại biên bản ghi lời

khai của Công an huyện Q) và bà T1 thừa nhận: giá trị hợp đồng mua bán than cám là số 381.234.000 đồng, chi nhánh công ty T4 đã thanh toán được 120.000.000 đồng và còn nợ số tiền là 261.234.000 đồng. Như vậy, số tiền chi nhánh công ty T4 còn nợ ông D tính đến ngày 21/5/2021 là 261.234.000 đồng. Do đó, ông D yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc 261.234.000 đồng là có căn cứ.

[3.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả:

Tại bảng theo dõi công nợ than Bắc Ninh từ ngày 25/3/2018 của chi nhánh công ty T4, ông T đã viết hẹn trả nợ, như sau: ngày 27/9/2019 chuyển khoản 20.000.000 đồng; ngày 25 của các tháng 10, 11, 12 năm 2019 chuyển trả 20.000.000 đồng/tháng; từ tháng 02/2020 thanh toán mỗi tháng 30.000.000 đồng. Tại giấy viết tay hẹn trả tiền than, nội dung thể hiện người viết giấy là ông T đã hẹn trả cho ông D mỗi tháng 20.000.000 đồng và có người làm chứng là ông T2, ông H1, ông Á. Tuy nhiên, chi nhánh công ty T4 chỉ thanh toán số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 27/11/2019 và 10.000.000 đồng vào ngày 21/5/2021.

Căn cứ vào bảng theo dõi công nợ than Bắc Ninh từ ngày 25/3/2018 của chi nhánh công ty T4 và trình bày của ông D thì thời hạn thanh toán là tại thời điểm chi nhánh công ty T4 nhận tài sản mua. Thời điểm chi nhánh công ty T4 nhận than cám là ngày 25/3/2018. Tuy nhiên, tại thời điểm này, chi nhánh công ty T4 chỉ thanh toán 100.000.000 đồng. Như vậy, chi nhánh công ty T4 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi trên số tiền chậm trả từ ngày 27/9/2019 với mức lãi suất 10%/năm, yêu cầu thanh toán số nợ gốc và lãi trên số tiền chậm trả là 385.000.000 đồng. Xét yêu cầu này là tự nguyện và có căn cứ theo quy định tại Điều 357, khoản 3 Điều 434, Điều 440 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chi nhánh công ty T4 hoạt động theo sự ủy quyền của của công ty T4 và việc mua than cám - nguyên liệu để sản xuất gạch Tuynel là ngành nghề kinh doanh của chi nhánh công ty T4. Nên ông D yêu cầu công ty T4 phải trả số tiền gốc và tiền lãi trên số tiền chậm trả là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5, 6 Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 357, Điều 430, khoản 3 Điều 434, Điều 401, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc công ty cổ phần T4 có nghĩa vụ thanh toán cho ông D tổng số tiền 385.000.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 261.234.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 31/5/2024 là 123.766.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: công ty cổ phần T4 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 357, Điều 430, khoản 3 Điều 434, Điều 401, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về tranh chấp “*nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

1. Buộc Công ty cổ phần T4 có nghĩa vụ thanh toán cho ông D tổng số tiền nợ mua bán than cám là 385.000.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 261.234.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 31/5/2024 là 123.766.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 19.250.000 (mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, Công ty cổ phần T4 phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.687.525 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004945 ngày 17/02/2023.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/5/2024); đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(đã ký)

**Nguyễn Trần Nguyên Vỹ**